

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31
Phụ lục: Bảng tổng hợp giao dịch các bên liên quan	32 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 020300035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08 tháng 08 năm 2013.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Haiphong Petrolimex Transportation and Services Joint Stock Company, tên viết tắt là: PTS Hai Phong

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PTS.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 16 Ngô Quyền- Phường Máy Chai- Quận Ngô Quyền- Thành phố Hải Phòng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Thủy	Thành viên
Ông Đào Thanh Liêm	Thành viên
Ông Đào Mạnh Kiên	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Thủy	Tổng Giám đốc
Ông Đào Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Nguyễn Trọng Thủy
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Số:

/2014/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Kính gửi:

Các cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2014, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phan Thanh Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Bùi Thị Thúy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2013-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		41.628.437.515	34.223.047.669
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	5.546.328.430	1.009.096.864
1. Tiền	111		5.546.328.430	1.009.096.864
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.285.534.359	19.707.460.806
1. Phải thu khách hàng	131		15.553.522.221	9.687.028.798
2. Trả trước cho người bán	132	6.2	4.045.720.002	4.067.660.002
5. Các khoản phải thu khác	135	6.3	3.686.292.136	5.952.772.006
IV- Hàng tồn kho	140		11.579.811.180	11.289.128.406
1. Hàng tồn kho	141	6.4	11.579.811.180	11.289.128.406
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.216.763.546	2.217.361.593
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	6.5	907.012.046	1.757.861.593
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.6	309.751.500	459.500.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		73.943.639.798	78.184.198.417
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	6.7	42.701.000	42.701.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(42.701.000)	(42.701.000)
II Tài sản cố định	220		55.863.296.489	58.113.429.533
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.8	54.716.057.299	56.929.600.177
- Nguyên giá	222		97.535.263.977	93.419.311.674
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.819.206.678)	(36.489.711.497)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.9	1.147.239.190	1.183.829.356
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6.10	9.491.378.204	9.657.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	5.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.657.000.000	4.657.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(165.621.796)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		8.588.965.105	10.413.768.884
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.11	8.581.465.105	10.406.268.884
3. Tài sản dài hạn khác	268		7.500.000	7.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		115.572.077.313	112.407.246.086

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		34.537.966.749	31.343.911.113
I- Nợ ngắn hạn	310		34.485.226.749	31.343.911.113
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.12	3.000.000.000	6.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		16.075.771.426	10.127.099.042
3. Người mua trả tiền trước	313	6.13	11.568.129.067	10.874.231.882
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.14	699.192.056	427.678.494
5. Phải trả người lao động	315		1.261.386.220	1.390.492.741
6. Chi phí phải trả	316	6.15	182.444.282	12.527.777
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	6.16	1.086.681.199	1.237.767.077
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		611.622.499	774.114.100
II- Nợ dài hạn	330		52.740.000	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		52.740.000	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		81.034.110.564	81.063.334.973
I- Vốn chủ sở hữu	410	6.17	81.034.110.564	81.063.334.973
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.680.000.000	55.680.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.024.502.460	6.024.502.460
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.013.122.301	15.013.122.301
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.684.066.865	3.684.066.865
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		632.418.938	661.643.347
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		115.572.077.313	112.407.246.086

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		52.740.000	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		222.580.000	-

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		289.694.233.883	257.532.553.638
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.18	289.694.233.883	257.532.553.638
4. Giá vốn hàng bán	11	6.19	277.810.304.834	248.277.975.246
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		11.883.929.049	9.254.578.392
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.20	461.123.177	854.958.781
7. Chi phí tài chính	22	6.21	626.823.184	1.174.769.975
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>461.201.388</i>	<i>1.420.891.985</i>
8. Chi phí bán hàng	24		2.884.740.485	2.797.805.947
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.085.116.553	8.366.162.211
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		748.372.004	(2.229.200.960)
11. Thu nhập khác	31		600.270.507	648.609.418
12. Chi phí khác	32		836.528.945	332.205.300
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.22	(236.258.438)	316.404.118
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		512.113.566	(1.912.796.842)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.23	541.337.975	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(29.224.409)	(1.912.796.842)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.24	(5)	(344)

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	512.113.566	(1.912.796.842)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.813.822.614	8.108.611.691
- Các khoản dự phòng	03	165.621.796	(1.756.697.684)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(295.501.381)	(1.101.080.791)
- Chi phí lãi vay	06	461.201.388	1.420.891.985
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	8.657.257.983	4.758.928.359
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.577.475.506)	(732.336.071)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(290.682.774)	2.792.021.194
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.532.293.675	(6.108.954.685)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.824.803.779	(149.471.003)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(461.201.388)	(1.420.891.985)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(95.492.780)	(209.872.617)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	153.010.507	26.350.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(596.891.304)	(935.985.830)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	13.145.622.192	(1.980.212.638)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.667.384.561)	(2.864.826.484)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	97.870.758	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(100.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	461.123.177	854.958.781
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(5.108.390.626)	(2.109.867.703)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.500.000.000	19.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.000.000.000)	(12.500.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(6.003.157.232)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(3.500.000.000)	496.842.768
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	4.537.231.566	(3.593.237.573)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.009.096.864	4.602.334.437
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.546.328.430	1.009.096.864

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 020300035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08 tháng 08 năm 2013.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Haiphong Petrolimex Transportation and Services Joint Stock Company, tên viết tắt là: PTS Hai Phong

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là 55.680.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex (*)	2.839.680	28.396.800.000	51%
Các cổ đông khác	2.728.320	27.283.200.000	49%
Cộng	5.568.000	55.680.000.000	100%

(*) Quyết định số 295/PLX- QĐ- HDQT ngày 13/6/2013 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng cho Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PTS.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 16 Ngô Quyền- Phường Máy Chai- Quận Ngô Quyền- Thành phố Hải Phòng

Số lao động bình quân năm 2013: 258 người, năm 2012: 265 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: Khí hóa lỏng (gas), xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải thủy
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét luồng lạch
- Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: Đại lý khí hóa lỏng (gas)
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Nhà đất, cảng biển, kho bãi
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Sắt, thép

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Tre, nứa, gỗ cây, gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, ga (LPG chai), than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh

Hoạt động chính trong năm của Công ty là dịch vụ vận tải và kinh doanh xăng dầu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay ngắn hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính theo ghi nhận ban đầu.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2013</u> <u>(Số năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 14
Dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản thể hiện chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm đối với sửa chữa định kỳ và 2,5 năm đối với sửa chữa giữa kỳ.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ, dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa là 02 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Đối với hoạt động thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ là Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu, vận tải, kinh doanh bất động sản, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu cho bộ phận đó.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.**6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	72.046.625	82.920.471
Tiền gửi ngân hàng	5.474.281.805	926.176.393
Tổng	5.546.328.430	1.009.096.864

6.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hoạt động Kinh doanh Xăng dầu, vận tải	180.720.002	232.660.002
Hoạt động Kinh doanh Bất động sản	3.865.000.000	3.835.000.000
Tổng	4.045.720.002	4.067.660.002

6.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	136.414.435	310.067.365
Công ty CP Vận tải biển Sông Tranh- tiền thiếu hàng do đâm va tàu	131.182.827	131.182.827
Trường trung cấp nghề GTVT Hải Phòng	-	14.400.000
Phải thu Cửa hàng số 1	12.000.000	-
Phải thu của các cửa hàng xăng dầu	-	863.579.231
Phải thu vận tải bộ	3.583.353	4.596.966
Phải thu của các tàu vận tải thủy (*)	2.236.330.999	3.963.361.310
Phải thu của các tàu vận tải biển (*)	972.921.467	589.144.085
Công ty Cổ phần Chế tạo và TM thiết bị Nhật	69.300.000	-
Phải thu khác	124.559.055	76.440.222
Tổng	3.686.292.136	5.952.772.006

(*): Là các khoản chi phí thường xuyên của tàu mà Công ty cấp cho các tàu để các tàu duy trì hoạt động, chủ yếu là chi phí nhiên liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.4 Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.592.109.808	1.246.337.575
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (Dự án Bất động sản nhà Đông Hải)	7.453.474.534	7.933.791.865
Hàng hoá	2.534.226.838	2.108.998.966
Tổng	11.579.811.180	11.289.128.406

6.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp của Dự án Đông Hải	106.531.723	446.611.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	800.480.323	1.311.250.241
<i>Trong đó: Thuế TNDN tạm nộp theo tiến độ nộp tiền của Dự án Đông Hải</i>	-	206.192.435
Tổng	907.012.046	1.757.861.593

6.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	306.751.500	456.500.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Tổng	309.751.500	459.500.000

6.7 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác	42.701.000	42.701.000
Tổng	42.701.000	42.701.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

6.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2013	17.277.877.473	1.908.431.859	72.324.102.330	1.660.847.546	248.052.466	93.419.311.674
Tăng trong năm	118.713.599	-	5.940.507.243	-	-	6.059.220.842
Mua trong năm	-	-	37.992.750	-	-	37.992.750
XDCB hoàn thành	118.713.599	-	5.902.514.493	-	-	6.021.228.092
Giảm trong năm	129.784.521	142.757.839	717.141.118	829.725.295	123.859.766	1.943.268.539
Thanh lý tài sản	43.703.934	-	717.141.118	-	-	760.845.052
Phân loại lại theo TT45	86.080.587	142.757.839	-	829.725.295	123.859.766	1.182.423.487
Số dư tại 31/12/2013	17.266.806.551	1.765.674.020	77.547.468.455	831.122.251	124.192.700	97.535.263.977
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2013	4.197.709.663	743.287.474	30.543.648.122	916.260.385	88.805.853	36.489.711.497
Tăng trong năm	1.027.164.783	212.848.242	6.369.225.432	184.062.777	20.521.380	7.813.822.614
Khấu hao trong năm	1.027.164.783	212.848.242	6.369.225.432	184.062.777	20.521.380	7.813.822.614
Giảm trong năm	107.711.428	91.946.084	610.408.823	620.820.569	53.440.529	1.484.327.433
Thanh lý tài sản	43.703.934	-	610.408.823	-	-	654.112.757
Phân loại lại theo TT 45	64.007.494	91.946.084	-	620.820.569	53.440.529	830.214.676
Số dư tại 31/12/2013	5.117.163.018	864.189.632	36.302.464.731	479.502.593	55.886.704	42.819.206.678
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2013	13.080.167.810	1.165.144.385	41.780.454.208	744.587.161	159.246.613	56.929.600.177
Số dư tại 31/12/2013	12.149.643.533	901.484.388	41.245.003.724	351.619.658	68.305.996	54.716.057.299

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

6.254.732.287

2.835.212.569

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.183.829.356	5.477.724.399
Tăng trong kỳ	11.222.225.101	9.409.139.926
Giảm trong kỳ	11.258.815.267	13.703.034.969
<i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	<i>6.021.228.092</i>	<i>5.314.426.461</i>
<i>Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>3.226.124.204</i>	<i>6.010.878.746</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>2.011.462.971</i>	<i>2.377.729.762</i>
Tại ngày 31 tháng 12	1.147.239.190	1.183.829.356

Chi tiết theo nội dung:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí đóng mới xà lan, tàu	256.302.560	302.175.288
Chi phí xây dựng triển đà	6.372.967	6.372.967
Chi phí mở rộng sản xuất Công ty	322.119.703	399.317.654
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	562.443.960	475.963.447
Tổng	1.147.239.190	1.183.829.356

6.10 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	CP	VND	CP	VND
Đầu tư vào Công ty con	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
<i>Cty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng</i>	<i>500.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>500.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Đầu tư vào Công ty liên kết	310.000	4.657.000.000	310.000	4.657.000.000
<i>Cty CP Cảng Cửa Cấm Hải Phòng</i>	<i>310.000</i>	<i>4.657.000.000</i>	<i>310.000</i>	<i>4.657.000.000</i>

Thông tin chi tiết về Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tên công ty con	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ triệu đồng	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	Số 16 Ngô Quyền - Phường Máy Chai - Thành phố Hải Phòng	5.000	100%	Sửa chữa, đóng mới tàu

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty liên kết	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ triệu đồng	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
Công ty CP Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	Số 2 Ngô Quyền - Phường Máy Chai - Thành phố Hải Phòng	24.000	12,9%	Kinh doanh dịch vụ cảng biển; dịch vụ vận tải; vận tải

Mặc dù tỷ lệ sở hữu là 12,9% nhưng do có đại diện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng nên Công ty này được xác định là Công ty liên kết của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	10.406.268.884	10.256.797.881
Tăng trong kỳ	3.709.330.257	6.119.210.298
Giảm trong kỳ	5.534.134.036	5.969.739.295
<i>Trong đó: Phân bổ vào chi phí</i>	<i>5.534.134.036</i>	<i>5.969.739.295</i>
Tại ngày 31 tháng 12	8.581.465.105	10.406.268.884

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	374.095.440	274.527.086
Sửa chữa lớn	8.207.369.665	10.131.741.798
Tổng	8.581.465.105	10.406.268.884

6.12 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Ngô Quyền	3.000.000.000	6.500.000.000
Tổng	3.000.000.000	6.500.000.000

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Ngô Quyền theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTDHM/2012 ngày 20/07/2012. Tổng giới hạn tín dụng 20.000.000.000 đồng

Trong đó:

Giới hạn cho vay: 20.000.000.000 đồng

Giới hạn bảo lãnh: 10.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Thanh toán chi phí hợp lý phục vụ cho mục đích kinh doanh xăng dầu và vận tải thủy

Thời hạn vay: Thời hạn không quá 3 tháng cho từng giấy nhận nợ

Lãi suất thả nổi, tại thời điểm ký hợp đồng 12%/năm

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ vật kiến trúc xây dựng trên diện tích 17.500 m² và 11.949,79 m² đất thuê 30 năm của Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng tại 61 Ngô Quyền, tàu PTS HP 01.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo 26.784.000.000 đồng.

6.13 Người mua trả tiền trước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hoạt động Kinh doanh Xăng dầu, vận tải	472	472
Hoạt động Kinh doanh Bất động sản	11.568.128.595	10.874.231.410
Tổng	11.568.129.067	10.874.231.882

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	644.931.023	276.281.102
Thuế thu nhập cá nhân	54.261.033	101.379.392
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	50.018.000
Tổng	699.192.056	427.678.494

6.15 Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	5.833.333	12.527.777
Trích trước phí, lệ phí cảng	51.044.549	-
Chi phí phải trả khác	125.566.400	-
Tổng	182.444.282	12.527.777

6.16 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	665.820.587	744.792.594
Bảo hiểm y tế	2.765.962	108.027.548
Bảo hiểm thất nghiệp	6.345.596	49.417.032
Phải trả, phải nộp khác	411.749.054	335.529.903
<i>Phải thu tiền điện của các hộ dân Dự án Đông Hải</i>	<i>45.079.047</i>	<i>32.395.468</i>
<i>Phải trả cổ tức cho cổ đông</i>	<i>99.115.410</i>	<i>99.115.410</i>
<i>Tiền thưởng của Tập đoàn</i>	<i>9.300.000</i>	<i>9.300.000</i>
<i>Tiền thừa hàng</i>	<i>54.990.040</i>	<i>54.990.040</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>203.264.557</i>	<i>139.728.985</i>
Tổng	1.086.681.199	1.237.767.077

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.17 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2012	55.680.000.000	6.024.502.460	13.633.915.177	3.098.213.858	14.291.500.320	92.728.131.815
Tăng trong năm	-	-	1.379.207.124	585.853.007	(1.912.796.842)	52.263.289
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	(1.912.796.842)	(1.912.796.842)
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.379.207.124	585.853.007	-	1.965.060.131
Giảm trong năm	-	-	-	-	11.717.060.131	11.717.060.131
Phân phối lợi nhuận 2011	-	-	-	-	3.365.060.131	3.365.060.131
Chia cổ tức	-	-	-	-	8.352.000.000	8.352.000.000
Số dư ngày 31/12/2012	55.680.000.000	6.024.502.460	15.013.122.301	3.684.066.865	661.643.347	81.063.334.973
Số dư ngày 01/01/2013	55.680.000.000	6.024.502.460	15.013.122.301	3.684.066.865	661.643.347	81.063.334.973
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	(29.224.409)	(29.224.409)
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	(29.224.409)	(29.224.409)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2013	55.680.000.000	6.024.502.460	15.013.122.301	3.684.066.865	632.418.938	81.034.110.564

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn của Nhà nước	28.396.800.000	28.396.800.000
Vốn góp của cổ đông khác	27.283.200.000	27.283.200.000
Tổng	55.680.000.000	55.680.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.568.000	5.568.000
Cổ phiếu phổ thông	5.568.000	5.568.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

6.18 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	183.457.023.735	168.071.665.780
Doanh thu dịch vụ vận tải	101.787.851.341	84.112.751.378
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.878.210.371	4.459.210.743
Doanh thu bán vật tư	-	213.508.409
Doanh thu dịch vụ khác	571.148.436	675.417.328
Tổng	289.694.233.883	257.532.553.638

6.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	179.618.154.804	164.552.072.569
Giá vốn dịch vụ vận tải	95.227.178.498	79.653.169.902
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.551.662.929	3.367.305.080
Giá vốn bán vật tư	-	211.000.313
Giá vốn dịch vụ khác	413.308.603	494.427.382
Tổng	277.810.304.834	248.277.975.246

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.20 Doanh thu tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.123.177	27.325.395
Cổ tức, lợi nhuận được chia	434.000.000	827.633.386
Tổng	461.123.177	854.958.781

6.21 Chi phí tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	461.201.388	1.420.891.985
Chi phí tài chính khác	165.621.796	(246.122.010)
<i>Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn</i>	-	1.510.079.821
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn</i>	-	(1.756.697.684)
<i>Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn</i>	165.621.796	-
<i>Chi phí tài chính khác</i>	-	495.853
Tổng	626.823.184	1.174.769.975

6.22 Lợi nhuận khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập khác	600.270.507	648.609.418
Thu từ thanh lý vật tư, phế liệu	-	235.444.095
Thu thanh lý tài sản và tài sản khác	500.000.000	-
Bồi thường bảo hiểm thân tàu	95.564.035	37.079.545
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	376.063.886
Thu nhập khác	4.706.472	21.892
Chi phí khác	836.528.945	332.205.300
Chi phí thanh lý tài sản và tài sản khác	402.129.242	67.715.970
Truy thu thuế (2007-2011)	96.685.720	-
Phạt vi phạm hành chính	-	34.485.830
Tiền phạt sau khi thanh tra thuế (2007-2011)	103.969.119	-
Bồi thường tai nạn do đâm va	150.000.000	230.003.500
Chi phí đâm va đệm cầu tàu tại Cảng dầu B12	82.965.854	-
Chi phí khác	779.010	-
Lợi nhuận khác	(236.258.438)	316.404.118

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	512.113.566	(1.912.796.842)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	293.668.254	123.085.830
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	<i>6.288.415</i>	-
<i>Tiền phạt</i>	<i>103.969.119</i>	<i>34.485.830</i>
<i>Truy thu thuế</i>	<i>96.685.720</i>	-
<i>Thù lao Hội đồng Quản trị</i>	<i>86.725.000</i>	<i>88.600.000</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	434.000.000	827.633.386
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>434.000.000</i>	<i>827.633.386</i>
Lợi nhuận chịu thuế	371.781.820	(2.617.344.398)
<i>Lợi nhuận từ kinh doanh xăng dầu, vận tải và hoạt động khác</i>	<i>(846.528.111)</i>	-
<i>Lợi nhuận từ kinh doanh bất động sản</i>	<i>1.218.309.931</i>	-
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	541.337.975	-
<i>Thuế TNDN của hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	<i>304.577.483</i>	-
<i>Thuế TNDN của hoạt động kinh doanh bất động sản năm 2012</i>	<i>236.760.492</i>	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	541.337.975	-

6.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(29.224.409)	(1.912.796.842)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	(29.224.409)	(1.912.796.842)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.568.000	5.568.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(5)	(344)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.772.404.107	43.369.122.938
Chi phí công cụ, dụng cụ	493.806.000	737.163.021
Chi phí nhân công	19.558.645.493	18.019.024.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.813.822.614	8.108.611.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.297.160.417	5.049.257.083
Chi phí khác bằng tiền	15.745.851.106	17.620.796.603
Tổng	108.681.689.737	92.903.975.371

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Số dư với Công ty con*

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	73.193.669	108.070.039
Tổng	73.193.669	108.070.039

Giao dịch với Công ty con

	Tính chất	Năm 2013	Năm 2012
	giao dịch	VND	VND
Giao dịch mua hàng			
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	Đóng mới, sửa chữa tàu	2.199.584.061	3.808.669.040
	Thuê bảo vệ, nấu ăn	60.000.000	60.000.000
Tổng		2.259.584.061	3.868.669.040
Giao dịch bán hàng			
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	Bán xăng dầu	224.235.638	280.311.822
	Thuê tài sản	188.290.584	193.295.684
Tổng		412.526.222	473.607.506

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất	Năm 2013	Năm 2012
	giao dịch	VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Thù lao Hội đồng Quản trị và BKS	269.000.000	250.140.000
Thành viên HĐQT và Ban điều hành	Lương cho thành viên HĐQT và Ban điều hành	924.580.000	718.146.818

Số dư và Giao dịch trong nội bộ Tập đoàn - được chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

7.2 Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2013**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh xăng dầu, kinh doanh vận tải, kinh doanh Bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, cho thuê nhà, đất chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Khác	Cộng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	4.977.516.173	40.812.846.844	-	2.421.337.966	48.211.700.983
Xây dựng cơ bản dở dang	77.197.951	778.138.735	-	-	855.336.686
Các khoản phải thu	4.211.709.848	10.039.824.407	4.661.534.090	132.585.079	19.045.653.424
Hàng tồn kho	2.108.998.966	1.246.337.585	7.933.791.865	-	11.289.128.416
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	33.005.426.577
Tổng tài sản					112.407.246.086
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	6.608.160.633	3.402.429.375	11.045.005.710	-	21.055.595.718
Phải trả tiền vay	6.500.000.000	-	-	-	6.500.000.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	3.788.315.395
Tổng nợ phải trả					31.343.911.113

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Khác	Cộng
DOANH THU					
Tổng doanh thu	129.112.216.866	84.112.751.378	4.459.210.743	888.925.737	218.573.104.724
Doanh thu giữa các bộ phận	38.959.448.914	-	-	-	38.959.448.914
Doanh thu	168.071.665.780	84.112.751.378	4.459.210.743	888.925.737	257.532.553.638
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	(105.510.634)	(2.919.868.403)	947.041.965	168.947.306	(1.909.389.766)
Lãi tiền gửi	-	-	-	-	27.325.395
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	-	(30.732.471)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm					(1.912.796.842)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

7.2 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2013***Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Khác	Cộng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	4.523.649.304	40.531.483.982	-	2.153.063.805	47.208.197.091
Xây dựng cơ bản dở dang	-	818.746.520	-	-	818.746.520
Các khoản phải thu	4.400.659.424	13.560.008.698	4.638.534.090	179.308.709	22.778.510.921
Hàng tồn kho	2.534.226.838	1.592.109.808	7.453.474.534	-	11.579.811.180
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	33.186.811.601
Tổng tài sản					115.572.077.313
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	12.721.439.923	2.402.915.473	12.504.524.440	-	27.628.879.836
Phải trả tiền vay	3.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	3.909.086.913
Tổng nợ phải trả					34.537.966.749

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013*Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Khác	Cộng
DOANH THU					
Tổng doanh thu	141.216.592.414	101.787.851.341	3.878.210.371	571.148.436	247.453.802.562
Doanh thu giữa các bộ phận	42.240.431.321	-	-	-	42.240.431.321
Doanh thu	183.457.023.735	101.787.851.341	3.878.210.371	571.148.436	289.694.233.883
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	462.167.903	(910.129.628)	1.218.309.931	143.723.805	914.072.011
Lãi tiền gửi	-	-	-	-	27.123.177
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	-	(429.081.622)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(541.337.975)
Lợi nhuận trong năm					(29.224.409)

7.3 Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.546.328.430	1.009.096.864
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.239.814.357	15.639.800.804
Tổng cộng	24.786.142.787	16.648.897.668
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.000.000.000	6.500.000.000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	17.162.452.625	11.364.866.119
Chi phí phải trả	182.444.282	12.527.777
Tổng cộng	20.344.896.907	17.877.393.896

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT - BTC ban hành ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường (Tiếp)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)**

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
31/12/2013			
Vay và nợ ngắn hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	17.162.452.625	-	17.162.452.625
Chi phí phải trả	182.444.282	-	182.444.282
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
01/01/2013			
Vay và nợ ngắn hạn	6.500.000.000	-	6.500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	11.364.866.119	-	11.364.866.119
Chi phí phải trả	12.527.777	-	12.527.777
Vay và nợ dài hạn	-	-	-

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.546.328.430	-	5.546.328.430
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.239.814.357	-	19.239.814.357
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	7.500.000	-	7.500.000
01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.009.096.864	-	1.009.096.864
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.639.800.804	-	15.639.800.804
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	7.500.000	-	7.500.000

7.3 Số liệu so sánh

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Phạm Kim Anh****Phạm Thị Ngọc Anh****Nguyễn Trọng Thủy**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu 01/HN-CTC

BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Năm 2013

STT	Hình thức/Đơn vị đầu tư	Ngày bắt đầu đầu tư	Vốn chủ sở hữu		Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu công ty	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
			Vốn điều lệ	Vốn đầu tư của chủ sở						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Đầu tư vào Công ty con (TK221)									
1	Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng	01/07/2008		5.000.000.000			5.000.000.000	100%		
II	Vốn góp liên doanh (TK222)									
III	Đầu tư Công ty liên kết (TK223)									
1	Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hai Phòng	6/30/2007				310.000	4.657.000.000	12,9%		
IV	Đầu tư dài hạn khác (TK228)									

Đơn vị tính: đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu 03/HN-CTC

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2013

Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã Đơn vị	Chỉ tiêu/ Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính				Thu nhập khác
				Tổng số	Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Trong đó	Cổ tức lợi nhuận đã nhận	
A	B	C	I	2	3		4	5
1	11050000	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	64.784.563.122					
2	11080000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	8.501.020.560					
3	11059000	Công ty liên doanh Hóa chất PTN	229.883.850					
4	11024000	Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex	1.154.312.500					
5	11005000	Công ty Xăng dầu B12- Cảng Xăng dầu B12	535.657.500					
6	11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	13.729.233.444					
7	11006000	Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	6.828.559.864					
8	11019000	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	0					
9	11001000	CN Xăng dầu Bắc Ninh-Công ty Xăng dầu KVI	3.890.280.788					
10	11080000	Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng		434.000.000			434.000.000	
		Tổng cộng	99.653.511.628	434.000.000			434.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu 03/HN-CTC

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2013

STT A	Mã Đơn vị B	Chỉ tiêu/ Đơn vị bán C	Xăng dầu 1	Hóa dầu 2	Gas, bếp, phụ kiện 3	Hàng hóa khác 4
		I/ Giá trị hàng mua nội bộ tồn kho đầu kỳ	3.869.461.865	766.848.365		
		II/ Giá trị hàng mua nội bộ trong kỳ	187.360.470.926	2.274.519.470	930.490.670	
1	11003000	Công ty Xăng dầu KVIII	155.370.501.728			
2	11024200	Chi nhánh Hóa dầu Hải Phòng		2.274.519.470		
3	11056900	Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng			930.490.670	
4	11005000	Công ty Xăng dầu B12	21.549.656.600			
5	11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An	5.878.178.150			
6	11070000	Công ty Cổ phần Vận tải Xây dựng đường thủy Petrolimex	4.326.455.564			
7	11012000	Công ty Xăng dầu Bình Định	235.678.884			
		III/ Giá trị hàng hóa mua nội bộ xuất trong kỳ	187.119.357.204	2.487.379.887	847.250.978	
		IV/ Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ	4.110.575.587	553.987.948	83.239.692	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu 04/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Kỳ báo cáo: Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã Đơn vị	Tên Đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHHĐXD	Phải thu khác	Ký quỹ, ký cược	Cho vay nội bộ
A	C	D	1	2	3	4	5	6
	B0000001	Phần I: Nợ ngắn hạn	9.599.720.897			5.700.000		
1	11008000	Công ty xăng dầu Phú Thọ	985.471.263					
2	11024000	Công ty CP hoá dầu Petrolimex	186.606.475					
3	11005800	Công ty XD B12-Cảng dầu B12	34.821.765					
4	11010000	Công ty XD Thanh hoá	661.112.622					
5	11006000	Công ty XD Bắc Sơn(Hà Bắc)	704.043.904					
6	11001500	Chi nhánh xăng dầu bắc Ninh	312.802.121					
7	11050000	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	6.714.862.747			5.700.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu 06/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Kỳ báo cáo: Năm 2013

STT	Mã Đơn vị	Tên Đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả tiền trước	Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	Phải trả, phải nộp khác	Nhận ký quỹ, ký cược	Đơn vị tính: đồng
A	C	B	1	2	3	4	5	6
	B0000001	Phân I: Ngắn hạn	14.559.200.314			0		
1	11024200	Chi nhánh hoá dầu Hải Phòng	1.151.840.689					
2	11001000	Công ty XD khu vực 1	756.234.200					
3	11003000	Công ty XD khu vực 3	10.662.843.362					
4	11001700	Tổng kho xăng dầu Đức Giang	201.249.455					
5	11056900	Công ty TNHH gas Petrolimex HP	1.541.657					
6	11005000	Công ty XD B12	890.671.320					
7	11020200	Công ty TNHH MTV Dịch vụ thương mại VITACO	82.620.702					
8	11070000	Công ty CP vận tải XD đường thủy Petrolimex	211.332.235					
9	11019200	Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	29.758.340					
10	11020300	Công ty TNHH MTV VITACO Đà Nẵng	571.108.354					

Hải Phòng, Ngày 10 Tháng 03 Năm 2014
Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Lập biểu

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy